CTCP Tập đoàn GELEX (HSX: GEX)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	19,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.4%	-8.6%	-16.2%

ROE — 2024: 7.3% | +/- YoY ▲ 5.8%

DT thuần — *Q4/24*: 10,142 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 1,433 ▲ 16.5% | YoY ▲ 2,037 ▲ 25.1%

DT thuần — *2024*: 33,752 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 3,754 ▲ 12.5%

LN gộp — *Q4/24*: 2,410 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 750 ▲ 45.2% | YoY ▲ 1,251 ▲ 108%

LN gộp — *2024*: 6,762 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 1,253 ▲ 22.8%

LN thuần — *Q4/24*: 1,298 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 782 ▲ 152% | YoY ▲ 1,305 ▲ 18302%

LN thuần — *2024*: 3,581 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 2,166 ▲ 153%

LN sau thuế — *Q4/24*: 1,014 *tỷ VNĐ* | QoQ ▲ 717 ▲ 241% | YoY ▲ 1,094 ▲ 1374%

LN sau thuế — *2024*: 2,669 *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 1,805 ▲ 209%

Kết quả kinh doanh

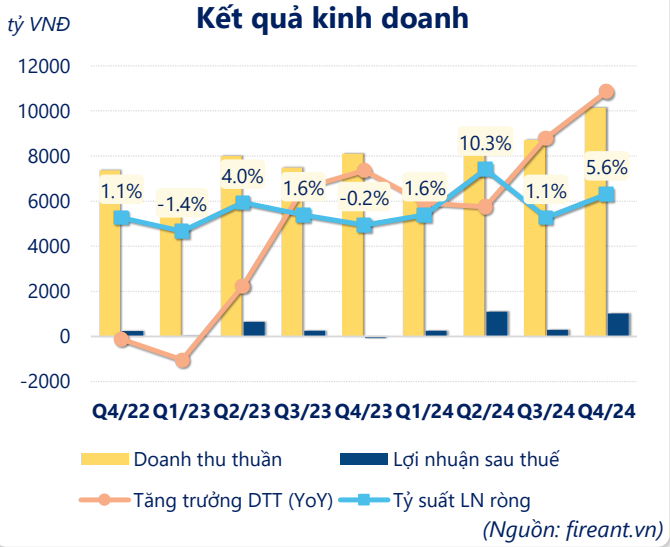

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

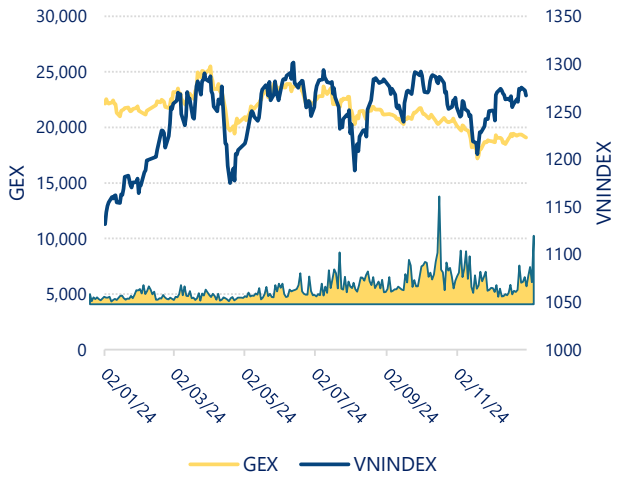

CTCP Tập đoàn GELEX (HSX: GEX)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

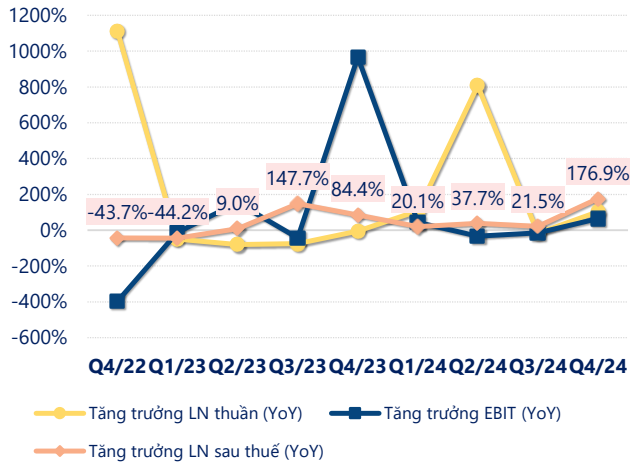

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

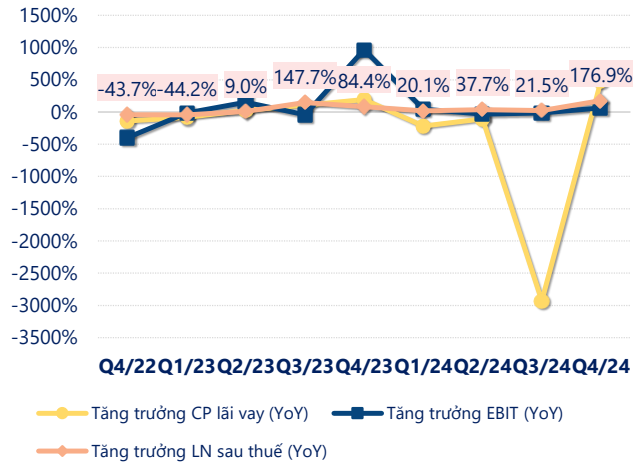

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

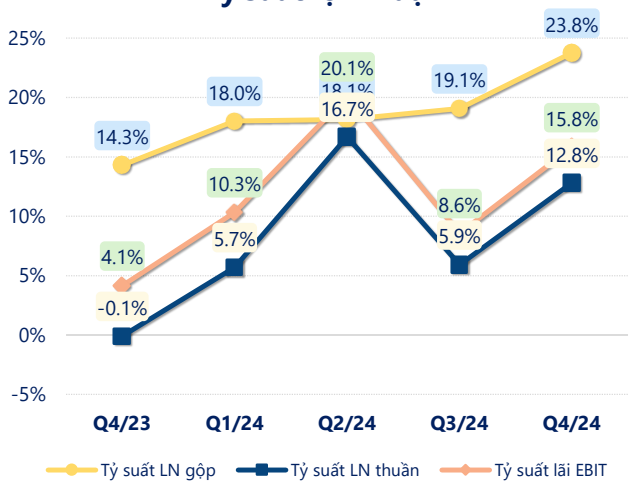

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

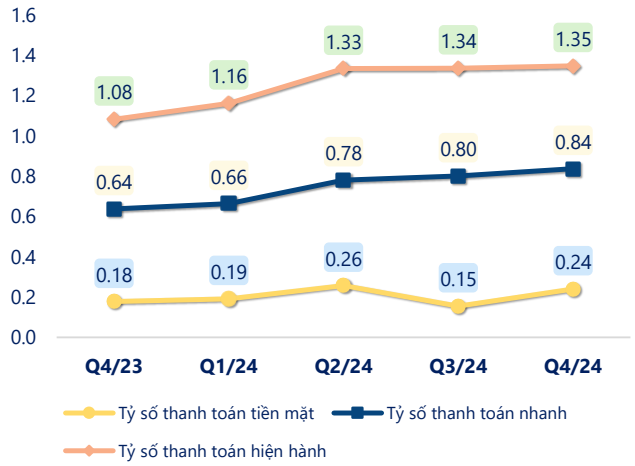

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

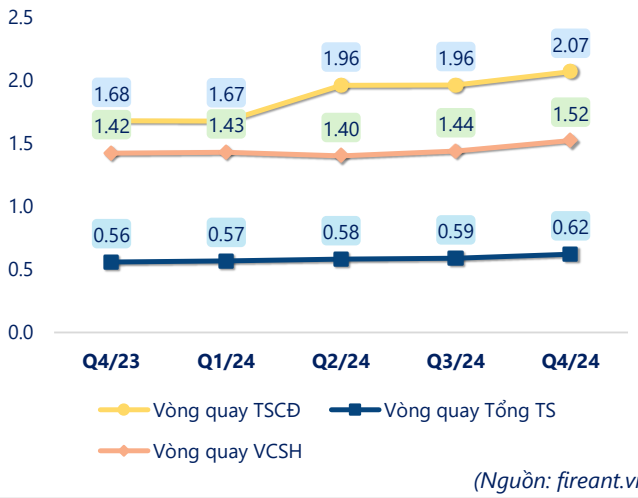

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

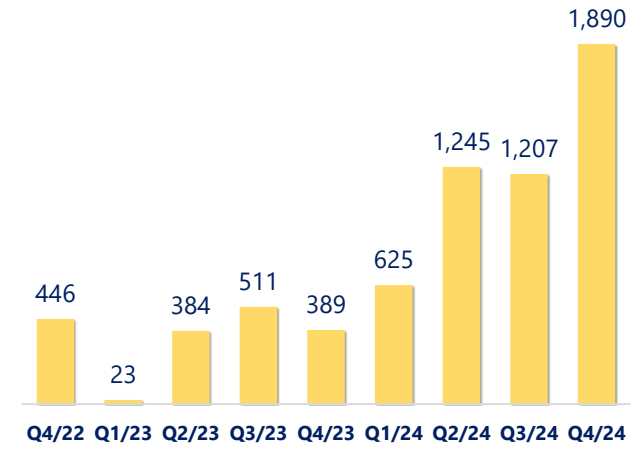

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Tập đoàn GELEX (HSX: GEX)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10,142**	**8,105**	**25.1%**	**33,752**	**29,998**	**12.5%**
Giá vốn hàng bán	7,733	6,946	11.3%	26,990	24,489	10.2%
Lợi nhuận gộp	2,410	1,159	108%	6,762	5,509	22.8%
Doanh thu HĐTC	215	68.2	215%	1,500	450	234%
Chi phí TC	377	415	-9.1%	1,690	1,889	-10.5%
Chi phí lãi vay	257	326	-21.2%	1,077	1,379	-21.9%
LN trong công ty LKLD	**74.5**	**12.9**	**478%**	**37.0**	**60.8**	**-39.1%**
Chi phí bán hàng	422	311	35.7%	1,279	1,141	12.1%
Chi phí QLDN	**602**	**521**	**15.5%**	**1,750**	**1,575**	**11.2%**
LN thuần từ HĐKD	1,298	-7.13	18302%	3,581	1,415	153%
Lợi nhuận khác	**48.4**	**17.1**	**183%**	**32.2**	**-18.2**	**277%**
LN trước thuế	1,346	9.93	13457%	3,613	1,397	159%
Lợi nhuận sau thuế	**1,014**	**-79.6**	**1374%**	**2,669**	**864**	**209%**
LNST của CĐ cty mẹ	**567**	**-19.9**	**2951%**	**1,631**	**330**	**394%**

(Nguồn: fireant.vn)

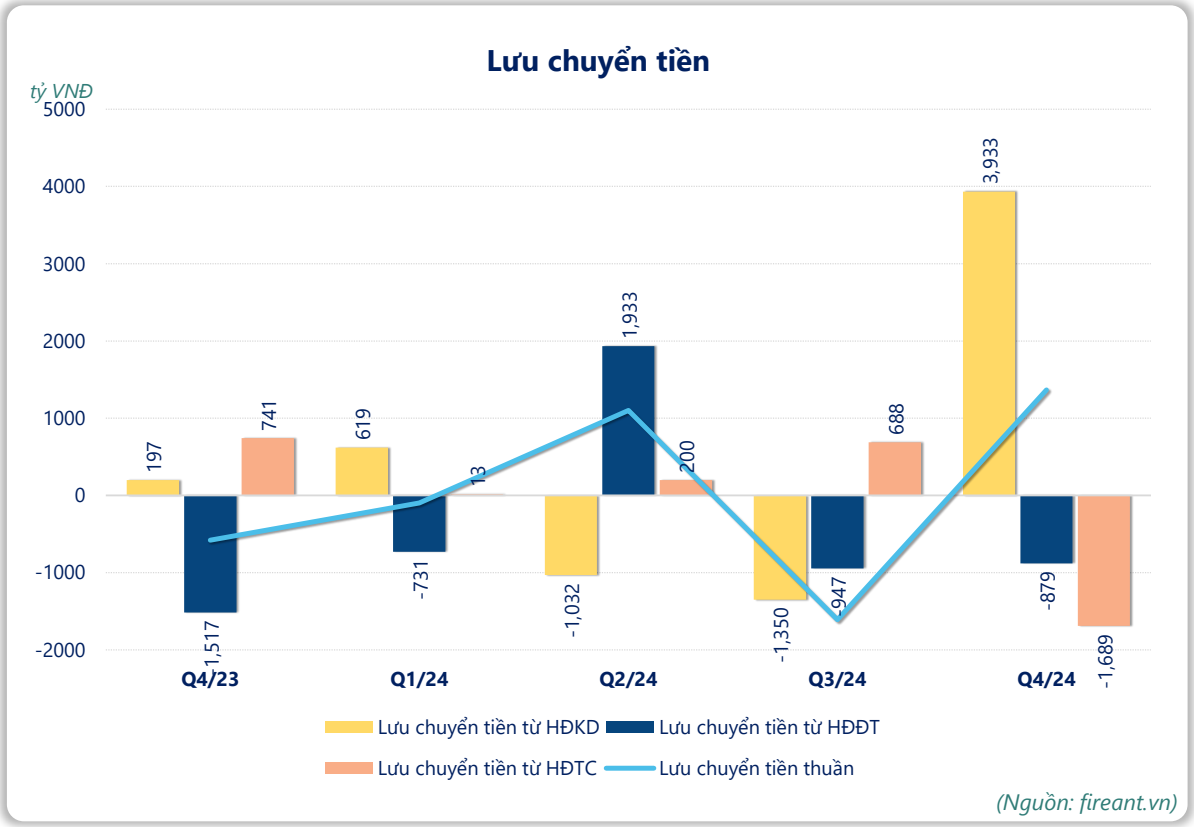

(Nguồn: fireant.vn)